

Bản án số 12/2022/DS-PT

Ngày 10 - 3 - 2022

“V/v Tranh chấp về phường, hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Ông Phạm Văn Phấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 31/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp về phường, hội”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 99/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm M1 (nay là xóm L1), xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị X, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm M3 (nay là xóm L1), xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm M6 (nay là xóm L3), xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị NH; địa chỉ: Tổ 3, Khối 8, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị S, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm M6 (nay là xóm L3), xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị HL, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm M4 (nay là xóm L2), xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Bà Trương Thị KT, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm M4 (nay là xóm L2), xã Kim L, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Hà Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện, yêu cầu: Trong năm 2012, bà H có tham gia 02 dây phường do bà Hà Thị X làm chủ phường. Số tiền phường bà H đã nộp là 34.000.000 đồng, số tiền lãi đã nhận là 11.690.000 đồng, bà X đã trả nợ được số tiền là 1.470.000 đồng. Số tiền thực bà đã nộp mà chưa được nhận tại phường do bà X làm chủ phường sau khi cân đối là 20.840.000 đồng. Do phường vỡ nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà X phải trả nợ số tiền 20.840.000 đồng, không tính lãi suất.

Bị đơn bà Hà Thị X trình bày: Từ năm 2011 đến năm 2013, bà X thành lập một số dây phường và làm chủ phường với mục đích là tự nguyện, góp tiền giúp đỡ nhau, phát triển kinh tế gia đình. Chủ phường được trích hoa hồng 1% để chi phí tiền điện, nước, sổ sách. Bà X thừa nhận bà Nguyễn Thị H tham gia 02 dây phường do bà Xuyên làm chủ phường và số tiền các dây phường còn nợ bà Nguyễn Thị H là 20.840.000 đồng. Tuy nhiên, trách nhiệm trả nợ là của phường, bị đơn không có nghĩa vụ trả nợ. Bà yêu cầu Tòa án triệu tập những người đã nhận tiền phường nhưng không nộp tiền khi đến các kỳ họp tiếp theo gồm bà Lê Thị S, bà Trần Thị HL, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị NH, bà Trương Thị KT, bà Đặng Thị KD, bà Châu Thị H để những người này có trách nhiệm trả nợ. Đồng thời, bà X yêu cầu Tòa án triệu tập 39 thành viên tham gia phường chưa được nhận tham gia tổ tụng để các thành viên đã nhận tiền có trách nhiệm trả nợ cho những người này.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Lê Thị S, bà Trần Thị HL, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị NH, bà Trương Thị KT thừa nhận đang còn nợ tiền phường do bà Hà Thị X làm chủ phường nhưng sẽ có trách nhiệm thanh toán với chủ phường, không trả trực tiếp bà H. Những người này có đơn xin vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn đã quyết định: Căn cứ Điều 121, Điều 122, Điều 123, khoản 1 Điều 302, Điều 304, Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 15, Điều 17, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường; Điều 147 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Hà Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền phường còn nợ là 20.840.000 đồng, không tính lãi suất.

Ngoài ra Bản án còn tuyên án phí, nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành và quyền kháng cáo.

Ngày 12 tháng 10 năm 2020, bà Hà Thị X có đơn kháng cáo với nội dung: Phường được thành lập ngày 22 tháng 8 năm 2011 (âm lịch), ngày 18 tháng 6 năm 2013 (âm lịch) thì ngừng hoạt động do một số thành viên trốn tránh trách nhiệm đã nhận nhưng không nộp, bà X đã đóng thế toàn bộ. Căn cứ vào thỏa thuận khi thành lập thì bà X đã hoàn thành trách nhiệm của chủ phường, đã giao

tiền phưởng cho người được lĩnh thể hiện tại Biên bản họp phưởng ngày 08 tháng 8 năm 2013 xác nhận chủ phưởng không còn nợ nần gì, có các chữ ký của các thành viên kể cả bà H. Tòa án buộc bị đơn trả số tiền 20.840.000 đồng cho nguyên đơn là không đúng, bản án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; hai bên không thỏa thuận được quan điểm giải quyết vụ án; các đương sự không xuất trình thêm các tài liệu gì. Người kháng cáo bà Hà Thị X bổ sung nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án triệu tập những người còn nợ phưởng tham gia tố tụng, phải trả tiền còn nợ cho bà X để bà trả cho bà Nguyễn Thị H.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn bà Hà Thị X kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại sở phưởng không có đủ chữ ký của các thành viên, biên bản họp phưởng không quy định rõ trách nhiệm của chủ phưởng, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa tất cả các thành viên của phưởng tham gia tố tụng nhưng buộc bà Hà Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ phưởng gốc 20.840.000 đồng là chưa có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để làm rõ những nội dung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự này không kháng cáo và sự vắng mặt này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị X:

Bà Hà Thị X kháng cáo cho rằng bà đã hoàn thành nghĩa vụ của chủ phưởng, đã trả tiền phưởng đầy đủ cho các thành viên tham gia phưởng, thể hiện tại Biên bản ngày 08 tháng 8 năm 2013 có ghi: “Tính đến thời điểm này, chủ phưởng không còn nợ con phưởng nào nữa”. Tuy nhiên, căn cứ kết luận tại biên bản thì các bên thống nhất dừng phưởng và chủ phưởng có trách nhiệm thu tiền phưởng của những người đã nhận để trả cho những người chưa nhận. Quá trình

giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà X đều thừa nhận bà H chưa nhận số tiền phường 20.840.000 đồng, đây phường có 07 người chưa nộp tiền gồm bà Lê Thị S, bà Trần Thị HL, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị NH, bà Trương Thị KT và 02 người đang bỏ trốn. Bà X yêu cầu bà H đền thu ở những người này.

Xét thấy, căn cứ biên bản thành lập phường thì: “Chủ phường (trùm phường) chịu trách nhiệm hoàn toàn mọi sự thất thoát, chịu trách nhiệm đối với mọi thành viên tham gia”; các thành viên tham gia phường thỏa thuận chủ phường có trách nhiệm thu tiền phường giao cho người được lĩnh phường, chủ phường giữ sổ phường, được hưởng 01% số tiền phường thu được. Do không thu được tiền của một số thành viên tham gia phường nên bà Hà Thị X đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận và theo quy định tại Điều 5, Điều 15, Điều 27 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, họ, họ, phường và phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 302, Điều 304 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Bà Hà Thị X đề nghị trách nhiệm trả nợ là của phường, mà cụ thể là một số thành viên của phường (con phường) đã nhận tiền phường. Xét thấy, những người này đều thừa nhận còn nợ tiền phường do bà X làm chủ phường nhưng đây là quan hệ giữa chủ phường với các thành viên tham gia phường, họ nộp và nhận tiền tại chủ phường và đã chốt nợ phường với bà X, không giao dịch với các thành viên khác nên những người này không có trách nhiệm thanh toán với bà Nguyễn Thị H. Bản án sơ thẩm xét xử buộc bà X là chủ phường phải trả nợ tiền phường cho bà H là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng của của bà X, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do bị đơn bà Hà Thị X kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với 05% số tiền phường phải trả cho bà Nguyễn Thị H và án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 121, Điều 122, Điều 123, khoản 1 Điều 302, Điều 304, Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 15, Điều 17, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, họ, họ, phường; tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Hà Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền phường còn nợ là 20.840.000 đồng (Hai mươi triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng), không tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Hà Thị X phải chịu 1.042.000 đồng (Một triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà Nguyễn Thị H 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003377 ngày 04 tháng 5 năm 2017

- Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Hà Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003450 ngày 19 tháng 10 năm 2020.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Nam Đàn;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu HSA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà